

Số: 262a/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của các ngành đào tạo
trình độ đại học Trường Đại học Hải Dương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung
trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 về việc ban hành
quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu mà năng lực người học đạt được sau
khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm
định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày
01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật
Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Biên bản rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo chính quy các bậc
học, ngành học, khóa học đang đào tạo của các tổ rà soát (theo Quyết định 108/QĐ-
ĐHHD ngày 06/02/2018);

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHHD ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Khung chương trình đào tạo trình độ đại
học của Trường Đại học Hải Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo của
09 ngành đào tạo trình độ đại học, (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo của 09 ngành đào tạo, trình độ đại học
chính quy được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*huy*

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐTDH&SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Vũ Đức Lễ



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**
(Kèm theo Quyết định số 2624/QĐ-ĐHHD ngày 30 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Bản mô tả chương trình đào tạo
1	Kế toán
2	Kinh tế
3	Kỹ thuật Điện
4	Ngôn ngữ Anh
5	Quản trị kinh doanh
6	Quản trị văn phòng
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
8	Tài chính - Ngân hàng
9	Công nghệ thông tin

Danh sách gồm 09 ngành./.



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-ĐHHD ngày 30/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

- Tên trường:	Trường Đại học Hải Dương
- Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kế toán
- Tên chương trình (Tiếng Anh)	Accounting
- Trình độ đào tạo:	Đại học
- Ngành đào tạo:	Kế toán
- Mã ngành:	7340301
- Loại hình đào tạo:	Chính quy
- Thời gian đào tạo:	4 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân Kế toán theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Kế toán, kiến thức cơ bản về khoa học, xã hội, chính trị, pháp luật, có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có ý thức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành kế toán, có khả năng tự nghiên cứu và khả năng thực hành nghiệp vụ kế toán, có tiềm năng phát triển và khả năng thích ứng với sự phát triển của khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội. Sinh viên ngành Kế toán có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có hiểu biết đầy đủ về đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, những vấn đề cấp bách của thời đại, ... am hiểu lịch sử đấu tranh của Đảng, của dân tộc, về Ngoại ngữ, Tin học, Toán kinh tế. Được trang bị những kiến thức, kỹ năng về lý thuyết tài chính, lý thuyết

kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán và quản trị học, phân tích đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, phần mềm kế toán máy để có được những kỹ năng nghề nghiệp về hạch toán kế toán, quản lý tài chính, ghi chép sổ sách, chứng từ hóa đơn, lập các biểu mẫu kế toán thống kê, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng vốn, tài sản, đề xuất phương án cải tiến quản lý nói chung và tổ chức kế toán nói riêng của các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở giáo dục, đào tạo, các định chế tài chính trung gian như: ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán, các quỹ đầu tư.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp:

- Nắm vững các quy định về hệ thống kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quốc tế.

- Nắm vững các chuẩn mực quy định về đạo đức nghề nghiệp kế toán- kiểm toán

- Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp.

- Có khả năng tổ chức hoạt động kế toán tại các doanh nghiệp; cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Có khả năng xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực hiện chức năng kế toán tổng hợp; Lập và trình bày báo cáo tài chính; Phân tích báo cáo tài chính; Cung cấp các thông tin phù hợp cho việc đưa ra các quyết định quản trị nội bộ; Có khả năng thực hiện công việc của một trợ lý kiểm toán hay kiểm toán viên nội bộ .

- Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán.

- Thu thập các thông tin kinh tế tài chính, lập và xử lý chứng từ kế toán.

- Phản ánh các nghiệp vụ kế toán trên các sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp có liên quan.

- Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu, giám sát công tác kế toán đảm bảo tuân thủ đúng các chế độ hiện hành và phù hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị.

- Tiến hành việc phân tích dữ liệu kế toán nhằm tham mưu đề xuất các giải pháp điều hành đơn vị liên quan đến tình hình tài chính kế toán.

- Lập các báo cáo kế toán và cung cấp cho các đối tượng liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng thiết kế và tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho một doanh nghiệp; cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Có kỹ năng tính toán, tổng hợp, phân tích, diễn giải và đánh giá các chỉ số tài chính chủ yếu;

- Có kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán độc lập các chu trình và hoạt động chủ yếu trong một đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- Có kỹ năng dự báo, dự toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có kỹ năng phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến giúp lãnh đạo doanh nghiệp tiến hành các công việc quản lý doanh nghiệp đúng pháp luật đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Có kỹ năng lập được các chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;

- Có kỹ năng đo lường, ghi nhận vào sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế - tài chính chủ yếu phát sinh trong kỳ tại một đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

- Có kỹ năng thực hiện những nghiệp vụ kế toán cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế;

- Phân biệt và phân tích được các loại chi phí trong một đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- Có kỹ phân tích và đưa ra những kết luận phù hợp về những vấn đề kế toán trong một đơn vị dựa trên những cơ sở dữ liệu khác nhau;

- Có kỹ năng ứng dụng thành thạo tin học vào trong công tác kế toán;

- Cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế về hoạt động của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tham mưu được cho lãnh đạo đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đúng pháp luật;

- Lập được kế hoạch tài chính của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- Có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình; kỹ năng soạn thảo văn bản về công tác tài chính kế toán.

- Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, biết tập hợp ý kiến đồng nghiệp, luôn chủ động nắm bắt công việc, có khả năng giải quyết tình huống do yêu cầu thực tế đặt ra.

- Tiếng Anh giao tiếp, tiếng Anh chuyên ngành tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (Bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

- Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh; soạn thảo được các văn bản bằng tiếng Anh thuộc chuyên ngành đào tạo.

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc.

- Có chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: hiểu biết về CNTT cơ bản; sử dụng máy tính cơ bản; xử lý văn bản cơ bản; sử dụng bảng tính cơ bản; sử dụng trình chiếu cơ bản; sử dụng Internet cơ bản.

- Sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet.

- Sử dụng được các phần mềm chuyên dùng thuộc trong lĩnh vực kế toán tài chính.

2.3. Chuẩn đầu ra về thái độ

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức, lập trường quan điểm của giai cấp công nhân; trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; khiêm tốn, cần cù, giản dị, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần làm chủ tập thể, tha thiết yêu nghề, hăng say học tập để trở thành người cán bộ toàn diện.

- Phong cách làm việc chuyên nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong công việc

- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo, luôn học hỏi, nhanh chóng thích nghi với sự phát triển của khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội.

- Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, sẵn sàng chiến đấu giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ an ninh tổ quốc.

3. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH/ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hải Dương.

4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

4.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	
			LT	TH, BT,TT,KL
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa bao gồm GDTC& GDQPAN)	39	360	450
	Trong đó: - Phần bắt buộc	33	315	360
	- Phần lựa chọn	6	45	90
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	89	745	1390
	Trong đó: 1. Kiến thức cơ sở của khối ngành, ngành	38	370	400
	- Phần bắt buộc	36	345	390
	- Phần lựa chọn	2	25	10
	2. Kiến thức ngành và chuyên ngành	41	375	480
	- Phần bắt buộc	39	360	450
	- Phần lựa chọn	2	15	30
	3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	0	510
Tổng:		128	1105	1840

4.2. Khung chương trình đào tạo

1. Kiến thức giáo dục đại cương: 39 TC (chưa bao gồm GDTC&GDQPAN)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	
			LT	TH, BT,TT,KL
1.	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	15	30
2.	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	30	30
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	30
4.	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	30	30
5.	Pháp luật đại cương	3	30	30
6.	Tin học đại cương	3	30	30
7.	Toán cao cấp 1	2	15	30
8.	Toán cao cấp 2	3	30	30
9.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	30
10.	Tiếng Anh thông dụng 1	3	30	30
11.	Tiếng Anh thông dụng 2	3	30	30
12.	Tiếng Anh thông dụng 3	3	30	30

13.	Giáo dục thể chất	4	0	120
14.	Giáo dục quốc phòng 1	3	15	60
15.	Giáo dục quốc phòng 2	2	15	30
16.	Giáo dục quốc phòng 3	3	15	60
Phần lựa chọn (SV chọn 1 HP trong mỗi tổ hợp)		6	45	90
17.	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ Tâm lý học đại cương/Xã hội học	2	15	30
18.	Văn hóa KD/Kỹ năng GT và đàm phán KD	2	15	30
19.	Địa lý kinh tế VN/ Kinh tế môi trường/Môi trường và con người	2	15	30
Tổng		39	360	450
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 89 tín chỉ				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành: 38 tín chỉ				
20.	Kinh tế vi mô 1	3	30	30
21.	Kinh tế vĩ mô 1	3	30	30
22.	Marketing căn bản	3	30	30
23.	Kinh tế lượng	3	30	30
24.	Pháp luật kinh tế	3	30	30
25.	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3	30	30
26.	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	30
27.	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	15	30
28.	Khoa học quản lý và lãnh đạo	3	30	30
29.	Quản trị kinh doanh	3	30	30
30.	Nguyên lý kế toán	3	30	30
31.	Nghiệp vụ thuế	2	15	30
32.	Kiểm tra-Kiểm soát quản lý P1	2	15	30
Phần lựa chọn (SV chọn 1 HP trong mỗi tổ hợp)		2	25	10
33.	Khởi nghiệp/Kinh tế quốc tế/Kinh tế đầu tư	2	25	10
Tổng		38	370	400
2.2. Kiến thức ngành: 51 tín chỉ				
34.	Tài chính doanh nghiệp	3	30	30
35.	Kế toán tài chính 1	3	30	30
36.	Kế toán tài chính 2	3	30	30

37.	Kế toán tài chính 3	3	30	30
38.	Kiểm toán	3	30	30
39.	Kế toán quản trị 1	3	30	30
40.	Kế toán quản trị 2	2	15	30
41.	Tổ chức hạch toán kế toán	2	15	30
42.	Phân tích tài chính	3	30	30
43.	Kế toán quốc tế	3	30	30
44.	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	30	30
45.	Hệ thống thông tin kế toán	3	30	30
46.	Sử dụng và bảo trì máy vi tính và phần mềm	2	15	30
47.	Thực hành kế toán	3	15	60
48.	Thực tập tốt nghiệp	4		240
49.	Khóa luận tốt nghiệp	6		270
Phần lựa chọn (SV chọn 1 HP trong mỗi tổ hợp)		2	15	30
50.	NV ngân hàng TM/Kế toán ngân hàng/Thương mại điện tử	2	15	30
Sinh viên không đủ điều kiện làm KLTN học thêm 2 học phần		6	60	60
51.	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	30	30
52.	Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ	3	30	30
Tổng		51	375	990

5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học Hải Dương.

- Định kỳ, Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THỜI ĐIỂM CHỈNH SỬA BẢN MÔ TẢ CTĐT: Năm 2018

**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7220201

HẢI DƯƠNG, 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG
Mã số: 52220201

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): Ngôn ngữ Anh
- Tên ngành đào tạo (tiếng Anh): English Language
- Chuyên ngành:
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Số tín chỉ yêu cầu: 136
- Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo sinh viên sau khi ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội, có kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp, thích nghi để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa đồng thời có khả năng thích ứng cao với những thay đổi nhanh của nền kinh tế hội nhập khu vực và quốc tế.

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có năng lực chuyên môn tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương, có kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành Tiếng Anh thương mại như: soạn thảo thư tín thương mại, hợp đồng thương mại, giao dịch quốc tế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kí kết hợp đồng kinh tế,...; nhận biết, phân tích và giải quyết các vấn đề cơ bản để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại các hoạt động đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ có sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đáp ứng được yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Có nền tảng kiến thức vững chắc về ngôn ngữ học, văn hóa, văn học Việt và các nước

nói tiếng Anh. Nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận cũng như kỹ thuật biên, phiên dịch tiếng Anh

- Khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh ở mức thành thạo cho các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp thông thường và công việc đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Khai thác được các kiến thức tin học cơ bản, phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngữ âm - âm vị học tiếng Anh để phát âm góp phần nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm và tự tin hơn khi giao tiếp; nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng thực hành tiếng Anh;

- Có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành nền tảng về kinh tế, thương mại quốc tế, tài chính, marketing, quản trị kinh doanh, biên - phiên dịch, giao tiếp kinh doanh, soạn thảo hợp đồng để có thể ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội; phát triển các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận. Áp dụng kiến thức vào các tình huống kinh doanh trong môi trường kinh doanh trong nước và toàn cầu;

2.2.2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng tư duy (thinking skills): Có tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề để hoàn thành nhiệm vụ nghề nghiệp;

- Có kỹ năng học vấn (intellectual skills): Có năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh (*nghe, nói, đọc, viết*), biên dịch, phiên dịch. Sử dụng được những kiến thức chuyên sâu ở cả hai lĩnh vực Ngôn ngữ & Văn hóa Anh-Mỹ và Kinh tế & Thương mại đã được trang bị trong chương trình đào tạo để làm việc hiệu quả;

- Có kỹ năng cá nhân và liên nhân (personal & interpersonal skills): các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như kỹ năng thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học để học tập liên tục, học tập suốt đời; có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác; kỹ năng ứng xử và giao tiếp chuyên nghiệp; có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo.

2.2.3. Về thái độ:

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trung thực, có tinh thần trách nhiệm;

- Kiên trì, say mê công việc, nhiệt tình và năng động trong công việc, biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp;

- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo, có ý thức tự nghiên cứu độc lập và nâng cao trình độ. Luôn học hỏi, nhanh chóng thích nghi với sự phát triển của khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội.

- Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, sẵn sàng chiến đấu giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ an ninh tổ quốc.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Ngành Ngôn ngữ Anh xét tuyển theo khối D1 (gồm 3 môn Toán, Văn, Tiếng Anh) và đối với các thí sinh đạt điểm chuẩn của trường hoặc được tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD & ĐT tại thời điểm tuyển sinh. Cụ thể như sau:

+ Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường;

+ Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ): Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Tổng điểm trung bình chung cả năm các môn trong tổ hợp xét tuyển lớp 12 cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) đạt ngưỡng quy định của Nhà trường.

+ Xét tuyển thẳng : Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

4. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Khối kiến thức	Số TC	Số giờ TC	
			LT	TH, BT, TT, KL
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa bao gồm GDTC&GDQPAN)	47	580	250
	Trong đó: - Phần bắt buộc	39	490	190
	- Phần lựa chọn	8	90	60
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	89	860	1160
	Trong đó: 1. Kiến thức ngành	40	425	350
	- Phần bắt buộc	36	375	330
	- Phần lựa chọn	4	50	20
	2. Kiến thức chuyên ngành	39	435	300
	- Phần bắt buộc	29	315	240
	- Phần lựa chọn	10	120	60
	3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	10	0	510
Tổng số		136	1400	1490

Khung chương trình đào tạo

1. Kiến thức giáo dục đại cương: 47 TC (chưa bao gồm GDTC&GDQPAN)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Số giờ TC	
			LT	TH, BT, TT, KL
Phần bắt buộc		39	490	190
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	25	10
	Basic principles of Marxism - Leninism 1			
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	40	10
	Basic Principles of Marxism - Leninism 2			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	25	10
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	10
	Political revolution roadmap of the Communist Party of Vietnam			
5	Toán cao cấp 1 (Advanced Maths 1)	2	25	10
6	Toán cao cấp 2 (Advanced Maths 2)	3	40	10
7	Pháp luật đại cương (General law)	3	40	10
8	Tin học đại cương (Basic Informatics)	3	30	30
9	Cơ sở văn hóa Việt nam (Vietnamese culture)	2	25	10
10	Dẫn luận ngôn ngữ (Introduction to linguistics)	2	25	10
11	Tiếng Việt cơ sở 1 (Vietnamese Language 1)	2	25	10
12	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)	3	40	10
13	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)	3	40	10
14	Quản lý học 1 (Essentials of Management 1)	3	30	30
15	Quản trị kinh doanh 1 (Business Management 1)	3	40	10
16	Giáo dục thể chất (Physical Education)	4	0	120
17	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	30t	30	0
18	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	30t	30	0
19	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	85t	20	65
20	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	20t	10	10
Phần lựa chọn		8	90	60
21	Tiếng Trung 1 / Tiếng Hàn 1 (Chinese 1 / Korean 1)	4	45	30
22	Tiếng Trung 2 / Tiếng Hàn 2 (Chinese 2 / Korean 2)	4	45	30
Tổng		47	580	250

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 89 TC

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Số giờ TC	
			LT	TH, BT, TT, KL
Kiến thức ngành – Phần bắt buộc		36	375	330
23	Ngữ âm - âm vị học (Phonetics and Phonology)	2	25	10
24	Ngữ âm thực hành (Pronunciation)	2	15	30
25	Từ vựng học (Lexicology)	2	25	10
26	Ngữ pháp 1 (English Grammar 1)	2	25	10
27	Nghe – Nói 1 (Listening – Speaking 1)	3	30	30
28	Nghe – Nói 2 (Listening – Speaking 2)	3	30	30
29	Nghe – Nói 3 (Listening – Speaking 3)	3	30	30

30	Nghe – Nói 4 (Listening – Speaking 4)	3	30	30
31	Đọc – Viết 1 (Reading – Writing 1)	3	30	30
32	Đọc – Viết 2 (Reading – Writing 2)	3	30	30
33	Đọc – Viết 3 (Reading – Writing 3)	3	30	30
34	Đọc – Viết 4 (Reading – Writing 4)	3	30	30
35	Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp English - Integrated Skills	4	45	30
Kiến thức ngành – Phần lựa chọn		4	50	20
36	Giao thoa văn hoá / Lịch sử Văn minh thế giới Cross Culture / History of World Civilization	2	25	10
37	Phân tích diễn ngôn / Tiếng Việt cơ sở 2 Discourse Analysis / Vietnamese Language 2	2	25	10
Tổng		40	425	350
Kiến thức chuyên ngành – Phần bắt buộc		39	315	750
38	Tiếng Anh Học thuật - Nghe – Nói Academic English - Listening & Speaking	3	30	30
39	Tiếng Anh Học thuật - Đọc - Viết Academic English - Reading and Writing	3	30	30
40	Chuyên đề giao tiếp kinh doanh - E Business Communication in English – in English	2	25	10
41	Chuyên đề kinh doanh quốc tế - E English for International Business	2	25	10
42	Thực hành Biên dịch 1 (Translation 1)	2	15	30
43	Thực hành Biên dịch 2 (Translation 2)	2	15	30
44	Thực hành Phiên dịch 1 (Interpretation 1)	2	15	30
45	Thực hành Phiên dịch 2 (Interpretation 2)	2	15	30
46	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Banking)	2	25	10
47	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	3	40	10
48	Marketing căn bản- E (Principles of Marketing- in English)	3	40	10
49	Nguyên lý kế toán (Accounting Principles)	3	40	10
50	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Practice)	4	0	240
51	Khoá luận tốt nghiệp (Thesis or replaced subjects)	6	0	270
Kiến thức chuyên ngành – Phần lựa chọn		10	120	60
52	Ngữ pháp 2 / Văn hóa Anh - Mỹ (English Grammar 2 / Culture of English Speaking Countries)	2	25	10
53	Thực hành Phiên dịch 3/ Thực hành Biên dịch 3 Interpretation 3 / Translation 3	2	15	30
54	Quản trị tài chính / Thống kê kinh doanh Financial Management / Business Statistics	3	40	10
55	Quản trị nhân lực / Xã hội học Human Resource Management / Sociology	3	40	10

Sinh viên không đủ điều kiện làm KLTN học thêm 2 học phần (Replaced subjects)		6	70	40
56	Tiếng anh nâng cao (Advanced English)	3	30	30
57	Giao dịch thương mại quốc tế (International business transaction)	3	40	10
Tổng		49	435	810

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường ĐHHĐ, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các khoa;
- Khoa phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi đã có ý kiến của Trưởng Khoa/Phó trưởng khoa phụ trách chuyên ngành;
- Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) để sinh viên kiểm tra trước khi ra Kế hoạch chính thức;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);
- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

5.2. Phương pháp giảng dạy

Nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và các chuẩn đầu ra, nhiều phương pháp giảng dạy và học tập (Teaching and Learning Methods - TLMs) khác nhau đã được áp dụng, chia theo các nhóm cụ thể sau:

Phương pháp dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp thường được áp dụng cho các phần lý thuyết trong nội dung giảng dạy, được thực hiện qua các phương pháp cụ thể sau:

- + Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết các nội dung liên quan

đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng: giảng viên trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giải. Sinh viên nghe giảng, ghi chú để tiếp nhận các kiến thức.

Phương pháp dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp thường được áp dụng trong một số nội dung lý thuyết và các phần thực hành, được thực hiện qua các phương pháp cụ thể sau:

+ Đặt câu hỏi: trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề: giảng viên giới thiệu các vấn đề, sinh viên nghiên cứu và tìm cách giải quyết vấn đề. Thông qua việc tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

+ Học theo tình huống: giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

Phương pháp dạy học tương tác

Dạy học tương tác được áp dụng cho cả các nội dung lý thuyết lẫn thực hành thông qua các phương pháp cụ thể sau:

+ Làm việc nhóm: giảng viên tổ chức sinh viên thành các nhóm nhỏ, giao vấn đề cho nhóm thảo luận và giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

+ Thảo luận: giảng viên cho sinh viên thảo luận về các nội dung trong bài theo cặp, theo nhóm hoặc cá nhân. Trong phương pháp thảo luận, sinh viên với cùng quan điểm mục tiêu chung, tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Thuyết trình: giảng viên giao chủ đề cho sinh viên theo cá nhân hoặc theo nhóm, sau khi nghiên cứu và thảo luận, sinh viên trình bày kết quả làm việc của mình trước lớp để giảng viên và các nhóm sinh viên khác đánh giá.

Phương pháp dạy học trải nghiệm

Dạy học trải nghiệm chủ yếu được thực hiện qua hoạt động thực tập nghề nghiệp, được thực hiện qua các phương pháp cụ thể sau:

+ Tìm hiểu thực tế: giảng viên hướng dẫn sinh viên đi thực tập tại các đơn vị thực tập có yếu tố nước ngoài để tìm hiểu môi trường làm việc thực tế, ghi chép, phân tích và nhận xét tình hình hoạt động có liên quan đến chuyên ngành.

+ Báo cáo: giảng viên hướng dẫn sinh viên viết báo cáo dựa trên các thông tin tìm hiểu trong quá trình thực tập.

Phương pháp tự học

Phương pháp tự học là việc sinh viên tự thực hiện các hoạt động nghiên cứu và học tập

độc lập với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Phương pháp tự học được thực hiện chủ yếu qua phương pháp đọc tài liệu và bài tập ở nhà.

Sự đóng góp của các phương pháp giảng dạy và học tập vào chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo được thể hiện trong ma trận sau:

5.3. Cách thức đánh giá

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh vận dụng nguyên tắc đánh giá liên tục được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về khảo thí của Trường ĐHHĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá thông qua điểm trung bình tích lũy của mỗi học phần. Trọng số đánh giá phụ thuộc vào loại học phần, hình thức đánh giá phụ thuộc vào bản chất của học phần.

Hình thức đánh giá bao gồm đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết. Đánh giá tiến trình nhằm mục đích cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục trong quá trình dạy học. Các công cụ đánh giá được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá điểm thực hành (bao gồm điểm kiểm tra và điểm đổi mới phương pháp học tập). Đánh giá tổng kết nhằm đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học. Đánh giá tổng kết bao gồm thi hết học phần và đánh giá báo cáo thực tập tổng hợp và khóa luận tốt nghiệp.

Kiểm tra – đánh giá quá trình

Có trọng số tối đa là 30%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm chuyên cần (Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, Semina, bài tập): 10 %
- Điểm giữa kỳ: 20 %

Điểm thi kết thúc học phần

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số là 70%.

- Hình thức thi (tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức)

5.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt theo quy định.

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Đề cương các môn học/học phần

(đính kèm quyền đề cương chi tiết)

7. Thời điểm chỉnh sửa bản mô tả CTĐT

- Năm học 2018

10.1. Triết học Mác - Lê Nin

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là môn học bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị trong các ngành đào tạo của khối đại học trong cả nước. Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp những kiến thức cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù, học thuyết của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

10.2. Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đây cũng môn học bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị trong các ngành đào tạo của khối đại học trong cả nước. Học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin cung cấp các kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin và các vấn đề cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sự vận dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học:

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân tộc tôn giáo, vấn đề xây dựng gia đình hiện nay.

10.4. Lịch sử Đảng CSVN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (2/1930); về quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

10.6. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Đồng thời, giúp sinh viên tìm hiểu và nắm rõ các quy định về hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp 2013. Một số nội dung cơ bản của pháp luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, Hình sự và Tổ tụng Hình sự, một số nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân gia đình, Luật Hành chính và Luật phòng chống tham nhũng.

10.7. Tin học cơ bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin như: Các khái niệm cơ bản về Công nghệ thông tin và máy tính, sử dụng hệ điều hành máy tính, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint. Sinh viên có khả năng ứng dụng các kiến thức về công nghệ thông tin đã học để soạn thảo, xử lý dữ liệu, định dạng và in ấn tài liệu, tạo slide để hỗ trợ thuyết trình vấn đề theo nhóm,....

10.8. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp sinh viên nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học nói chung và Kinh tế vi mô nói riêng. Để đạt được mục tiêu đó, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm thị trường, cung - cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp liên quan đến sản xuất, chi phí, lợi nhuận, từ đó giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cơ chế hoạt động của thị trường và hình thành giá cả sản phẩm. Hơn nữa, học phần này còn đi vào phân tích các loại cấu trúc thị trường khác nhau và nghiên cứu thất bại thị trường để thấy được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường và từ đó nhìn nhận được vai trò điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế.

10.9. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Kinh tế vĩ mô là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế vận hành với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ lĩnh hội và nắm bắt được những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô liên quan đến hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, đồng thời hiểu được sự vận hành của nền kinh tế với tư cách là một tổng thể.

10.10. Phương pháp NCKH

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức

giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

10.11. Tiếng Trung 1

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung 1 giúp SV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Trung 1 SV có thể: Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Trung Quốc bao gồm ngữ âm, chữ Hán, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Trung Quốc có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và văn hoá Trung Quốc. Bước đầu hình thành cách học tiếng Trung Quốc hiệu quả, tạo cơ sở cho việc tiếp tục học tiếng Trung Quốc nâng cao hoặc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

10.12. Tiếng Trung 2

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung 2 là học phần trong chương trình đào tạo tiếng Trung dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các cấu trúc ngữ pháp tiếng Trung như câu liên động, cụm từ định ngữ, câu nghi vấn lựa chọn, định ngữ trong câu, động từ lặp lại, ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ điểm quen thuộc như các hoạt động giải trí, sở thích, thói quen hàng ngày, ngày nghỉ; công việc, ăn uống, ốm đau, du lịch, làm khách ở nhà bạn, thăm bệnh nhân; Cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo định ngữ; Các cách phát âm chuẩn; cách nhớ và viết chữ Hán nhanh và đẹp; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ cơ bản và nâng cao. Học phần này tương đương với trình độ HSK3. Học phần này là cơ sở để học tiếp học phần tiếng Trung nâng cao hoặc tiếng Trung chuyên ngành.

10.13. Tiếng Anh giao tiếp căn bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh giao tiếp căn bản (General English¹²) là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo ngoại ngữ dành cho sinh viên bậc đại học **ngành Ngôn ngữ Anh**. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thời thể ngữ pháp cơ bản, thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết trong các tình huống hàng ngày như con người và nơi chốn, sự sở hữu, cuộc sống hàng ngày, ăn uống, mua và bán, thế giới quanh ta, du lịch...

10.14. Dẫn luận ngôn ngữ/ Tiếng Việt cơ sở

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Dẫn luận ngôn ngữ: Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ; nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; tín hiệu ngôn ngữ; từ vựng; ngữ âm; ngữ pháp; chữ viết; các ngôn ngữ trên thế giới. Ngoài ra, thông qua học phần này người học còn được rèn luyện một số thao tác, kỹ năng

phân tích tổng hợp thông tin hiệu quả và vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

* Tiếng Việt cơ sở: Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của tiếng Việt; củng cố các kiến thức về tiếng Việt như: đoạn văn trong văn bản, đặt câu trong văn bản; dùng từ trong văn bản; chính tả trong văn bản tiếng Việt. Thông qua đó, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin hiệu quả và vận dụng tiếng Việt vào quá trình học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

10.15. Giáo dục thể chất đại cương (Giáo dục thể chất 1)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược khái niệm, mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của sinh viên trong giáo dục thể chất ở trường học, sơ lược về lịch sử ra đời và phát triển môn điền kinh, luật điền kinh. Đặc điểm, tác dụng tập luyện bài tập thể dục tay không, chạy cự ly ngắn, các bài tập phát triển thể lực chung. Phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu.

10.16. Cầu lông 1/Bóng chuyền 1 (Giáo dục thể chất 2)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải, trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.17. Cầu lông 2/Bóng chuyền 2 (Giáo dục thể chất 3)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải, trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.18. Cầu lông 3/Bóng chuyền 3 (Giáo dục thể chất 4)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải, trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.19. GDQP&AN1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam: Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học

phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

10.20. GDQP&AN2

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Công tác quốc phòng và an ninh: Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản về Phòng chống chiến lược; diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

10.21. GDQP&AN3

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Quân sự chung: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tác phong, đội hình đội ngũ trong quá trình tập luyện, bản đồ địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh; đặc điểm tính năng; phòng chống vũ khí hạt công nghệ cao và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối để sinh viên tham gia hội thao diễn kinh, thể thao quốc phòng.

10.22. GDQP&AN4

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, kỹ thuật sử dụng súng tiểu liên AK; kỹ thuật ném lựu đạn....

10.23. Ngữ âm - âm vị học

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Ngữ âm - âm vị học tiếng Anh (Phonics and¹⁴ phonology) bao gồm các bài lý thuyết liên quan đến những kiến thức cơ bản về ngữ âm, âm vị học Tiếng Anh như hệ thống ngữ âm, âm vị, mô tả phân loại âm, các quy luật biến đổi âm vị, trọng âm, ngữ điệu. Ngoài ra học phần cũng cung cấp cho người học kiến thức toàn diện về phát âm, giúp cho sinh viên phát âm chính xác, phân tích và tự sửa lỗi phát âm cho bản thân từ đó nghe hiểu được người bản ngữ nói chuyện. Sinh viên sẽ được cải thiện kỹ năng phát âm một cách bài bản nhất, có khả năng phát âm rõ ràng và có ngữ điệu khi giao tiếp cùng với kiến thức nền tảng về phát âm, những ứng dụng thực tế trong cuộc sống đã được giảng dạy trong các bài học.

10.24. Từ vựng học

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Từ vựng học là học phần thứ ba trong hệ thống kiến thức cơ sở ngành Ngôn

ngữ Anh, khối ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm từ vựng học, đối tượng nghiên cứu của từ vựng học và mục đích của học phần; Khái niệm từ, cách cấu tạo từ, từ loại và một số cách cấu tạo từ chủ yếu; Khái niệm nghĩa của từ, các loại thành tố ngữ nghĩa, ngữ cảnh, sự phát triển của nghĩa mới, ẩn dụ, hoán dụ; Hiện tượng đa nghĩa và đồng âm, đồng nghĩa và trái nghĩa; Từ nguyên học, nguồn gốc của từ tiếng Anh, từ mượn.

10.25. Ngữ pháp 1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Ngữ pháp 1 thuộc khối kiến thức ngành nằm trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về ngữ pháp Tiếng Anh, những khái niệm và cách phân tích danh từ, cụm danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, động từ và cụm động từ trong Tiếng Anh. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần Ngữ pháp 2.

10.26. Nghe - Nói

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Nghe - Nói (Listening - Speaking) giúp sinh viên thực hành kỹ năng nghe thông qua các cuộc họp và hội nghị, giao dịch qua điện thoại, mua sắm, đặt phòng khách sạn...; Nghe hiểu đoạn hội thoại về các chủ đề liên quan đến thông tin cá nhân, lên kế hoạch, tiến trình công việc tại văn phòng, một cuộc nói chuyện liên quan đến thông báo, lời phát biểu, quảng cáo...; Sinh viên được thực hành kỹ năng nói thông qua các hoạt động miêu tả bức tranh, nghe và trả lời các câu hỏi về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, trả lời câu hỏi sử dụng gợi ý sẵn, đề xuất một giải pháp cho một vấn đề tại nơi làm việc, đưa ra ý kiến về một chủ đề cụ thể như đi lại và giao thông, nhà cửa, sức khỏe, các vấn đề ở nơi làm việc...

10.27. Nghe - Nói

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Đọc - Viết (Reading - Writing) cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng làm bài đọc hiểu về các vấn đề liên quan đến môi trường doanh nghiệp như các tình huống ở văn phòng, các vấn đề tài chính, sales và marketing, giao dịch thương mại, đi lại, du lịch, giải trí, thư tín, quảng cáo...sau đó làm các bài tập về lấy ý chính, tìm thông tin chi tiết, nội dung chính của bài đọc và các bài tập liên quan đến ngữ pháp và từ vựng. Ngoài ra, sinh viên được thực hành kỹ năng viết thông qua một số hoạt động như viết câu dựa vào gợi ý (một bức tranh) về các chủ đề thông dụng như gặp gỡ đồng nghiệp, làm công việc văn phòng, nấu ăn, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi lại, làm việc tại ngân hàng, mua sắm...; viết thư trả lời liên quan các chủ điểm như lên lịch hẹn, lên kế hoạch các buổi họp, yêu cầu sửa chữa, phàn nàn...; viết một đoạn văn thể hiện quan điểm về các vấn đề tại nơi làm việc, lựa chọn sự nghiệp, giáo dục, gia đình, tình bạn...

10.28. Lý thuyết dịch

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Lý thuyết dịch là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào

tạo Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần bao gồm nội dung lý thuyết dịch Biên dịch và lý thuyết Phiên dịch. Học phần cung cấp: các khái niệm về biên dịch, lịch sử biên dịch, các thành tố tham gia trong quá trình biên dịch, các phương pháp và chiến lược trong biên dịch, các khái niệm về phiên dịch, phân biệt các loại hình biên dịch, các phương pháp, kỹ thuật và kỹ năng phiên dịch, cách thức luyện tập nhằm nâng cao kỹ năng biên, phiên dịch. Học phần là cơ sở để sinh viên có thể tiếp cận học phần Biên dịch và Phiên dịch.

10.29. Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Học phần tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng *nhằm giúp sinh viên tiếp cận, làm quen và thực hành với những thuật ngữ, cấu trúc, tình huống trong giao tiếp kinh doanh và đàm phán thương mại.* Học phần cung cấp cho sinh viên: Các cấu trúc câu thường sử dụng trong các văn bản, tài liệu kinh tế như câu điều kiện, câu bị động, mệnh đề quan hệ, mệnh đề thời gian, ...; Những thuật ngữ liên quan đến các chủ điểm như kỹ năng nghề nghiệp, bán hàng online, đưa ra các ý tưởng kinh doanh, hoạch định, quản lý nhân sự, lập doanh nghiệp, chiến lược quảng bá sản phẩm...; Các bài tập thực hành với các “case study” thực tế trong kinh doanh.

10.30. Giao thoa văn hoá / Lịch sử Văn minh thế giới

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Giao thoa văn hoá: Học phần Giao thoa văn hóa thuộc kiến thức cơ sở ngành, là học phần tự chọn. Học phần trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa và những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến sự giao tiếp giữa những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Học phần giúp nâng cao hiểu biết của sinh viên về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và giao tiếp, cũng như giúp người học nhận biết được sự ảnh hưởng của các yếu tố cơ bản của văn hóa đến việc giao tiếp giữa những người có nền tảng văn hóa khác nhau.

* Lịch sử Văn minh thế giới: Môn Lịch sử văn minh thế giới giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn minh, phân biệt được các khái niệm văn minh với văn hiến, văn vật và văn hóa. Có kiến thức cơ bản về các nền văn minh lớn trên thế giới như văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp cổ đại, văn minh Tây Âu thời trung đại và văn minh thế kỷ XX. Nhận biết và đi sâu tìm hiểu những thành tựu của các nền văn minh về các mặt như thiên văn học, toán học, tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc... giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan, mở mang kiến thức về lịch sử văn minh thế giới.

10.31. Văn hóa kinh doanh/ Khởi nghiệp

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Văn hóa kinh doanh: Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh doanh.

* Khởi nghiệp: Học phần trang bị kiến thức cơ bản về khởi nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp; Ý tưởng và cơ hội kinh doanh; Mô hình kinh doanh; Kế hoạch kinh doanh; Khởi nghiệp, Vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng

mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

10.33. Tiếng Anh thương mại 1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề: tích lũy kinh nghiệm cá nhân và sự thỏa mãn của khách hàng. Học phần trang bị kiến thức về ngữ pháp như: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, cách diễn đạt sự đồng ý, trình bày quan điểm cá nhân, đưa ra yêu cầu, đề nghị, lời mời; trang bị kiến thức từ vựng theo chủ điểm như: gặp gỡ tại hội thảo, dịch vụ khách hàng; phân biệt được sự khác nhau giữa cách viết thư trang trọng và thư thân mật. Qua đó sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hóa của doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh. Học phần là tiền đề giúp sinh viên tiếp tục học học phần Tiếng Anh thương mại 2.

10.34. Tiếng Anh thương mại 2

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 2 chương và được chia thành 10 bài học nhỏ cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành Thương Mại về các chủ đề “Sản phẩm và quy trình” và “Phỏng vấn việc làm và nghề nghiệp”. Chương I tập trung vào các vấn đề liên quan đến các kiến thức về quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm, chu kỳ chuỗi cung ứng và tuổi thọ của sản phẩm, cách trình bày quy trình đặt và trả hàng; Chương 2 cung cấp cho sinh viên một số phương pháp để trả lời phỏng vấn và cách viết CV xin việc hiệu quả. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức Ngữ pháp cơ bản như các loại giới từ, câu bị động thời hiện tại, thời quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn... cũng như giúp sinh viên rèn luyện và củng cố các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần Tiếng Anh Thương Mại 3, 4, 5, 6, 7.

10.35. Tiếng Anh thương mại 3

17

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 3 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing, bán hàng, quảng cáo và doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về các dạng câu so sánh và động từ khuyết thiếu. Qua các bài học sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe và bày tỏ quan điểm trong cuộc họp, đặc biệt được làm quen với các diễn đạt nguyên nhân và kết quả, cách viết biên bản cuộc họp.

10.36. Tiếng Anh thương mại 4

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 4 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình

đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các chi phí kinh doanh, thương mại toàn cầu. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp về thì tương lai đơn, câu điều kiện loại 1, thì hiện tại hoàn thành. Qua các bài học sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng đàm phán kinh doanh, kỹ năng thuyết trình về tiến độ dự án.

10.37. Tiếng Anh thương mại 5

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 5 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 3 chương và được chia nhỏ thành 15 bài học, cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề như văn hóa doanh nghiệp, hỗ trợ khách hàng, sản phẩm và đóng gói sản phẩm. Thông qua các bài học, sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hoá của doanh nghiệp, những quy tắc hay luật bất thành văn trong doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh, các giai đoạn phát triển sản phẩm và biết cách làm cho sản phẩm trở nên thu hút hơn đối với đối tượng người mua và người tiêu dùng.

10.38. Tiếng Anh thương mại 6

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 6 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp và củng cố vốn từ vựng và ngữ pháp, luyện tập các kỹ năng Tiếng Anh liên quan đến các chủ điểm thường gặp trong môi trường thương mại như: nghề nghiệp, thương mại điện tử, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đồng thời, học phần cũng cung cấp một số kỹ năng mềm cho người học như: xác định động cơ, mục tiêu nghề nghiệp, định hướng việc làm, kỹ năng phỏng vấn xin việc, cách viết đơn xin việc, sơ yếu lý lịch; kỹ năng đàm phán, lắng nghe và ngắt lời trong các cuộc họp; cách viết báo cáo đề xuất và biên bản cuộc họp.

10.39. Tiếng Anh thương mại 7

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 7 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 3 chương được chia thành 15 bài học nhỏ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề “Sát nhập và thu tóm công ty”, “Thương mại quốc tế” và “Phát triển sự nghiệp cá nhân”. Học phần Tiếng Anh thương mại 7 cũng giúp sinh viên củng cố các kiến thức ngữ pháp về thì quá khứ, hiện tại và tương lai của động từ, các giới từ cũng như rèn luyện kỹ năng thuyết trình và đàm phán thương mại quốc tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trau dồi cách thiết kế, các nguyên tắc cũng như phương pháp trình bày slide khi thuyết trình; cách viết một số loại thư tín thương mại để yêu cầu, nhắc nhở đối tác về việc thanh toán đơn hàng; cách viết thư xin việc; trình bày lý do trong buổi phỏng vấn xin việc.

10.40. Tiếng Anh Học thuật

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh học thuật là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục củng cố phần kiến thức và kỹ năng ở trình độ trung cấp và nâng cao với nội dung ngôn ngữ hàn lâm, với phương pháp kích thích tính chủ động trong học tập, tạo sự tự tin trong giao tiếp, giúp người học có thể tham gia tốt vào các hoạt động học tập trong các khoá học chuyên ngành giảng bằng tiếng Anh, đồng thời giúp người học tự tin hơn trong môi trường làm việc sau này.

10.41. Giao tiếp kinh doanh

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Giao tiếp kinh doanh tập trung giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của giao tiếp trong kinh doanh, hiểu được sự khác biệt của giao tiếp trong kinh doanh so với giao tiếp xã hội thông thường, và giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như: giao tiếp qua điện thoại, tổ chức các cuộc họp, đàm phán, thuyết trình... Học phần được xây dựng và giảng dạy theo định hướng thực hành, với các tình huống giao tiếp gần giống với thực tế nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để sớm hoà nhập vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

10.42. Thư tín thương mại

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Thư tín thương mại là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp và củng cố kỹ năng viết Tiếng Anh thương mại ở mức độ cao cấp với các loại thư tín thương mại đa dạng như: thư điện tử, thư chào hàng, báo giá, đặt hàng, khiếu nại và giải quyết khiếu nại, viết hóa đơn, quảng cáo việc làm, viết đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, đảm bảo đúng thể thức của từng loại và văn phong phù hợp. Từ đó, người học có thể tự tin hoàn thiện các thư tín thương mại trong môi trường làm việc sau này.

10.43. Biên dịch

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Thực hành Biên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về phương pháp và kỹ thuật chuyển ngữ trong các lĩnh vực liên quan đến thương mại, kinh tế, luật pháp, văn hóa xã hội. Các tài liệu học được sử dụng từ các báo cáo khoa học, trích đoạn sách/giáo trình chuyên ngành, các bài viết học thuật, hợp đồng và báo cáo trong doanh nghiệp có độ dài 200-300 từ. Sinh viên không chỉ giải quyết sự tương đương giữa hai ngôn ngữ mà còn phải tìm mức độ tương đương giữa khái niệm và giao thoa văn hóa trong quá trình dịch thuật. Học phần là cơ sở giúp sinh viên tiếp cận học phần Biên dịch nâng cao.

10.44. Phiên dịch

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Thực hành phiên dịch giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng dịch khác nhau như dịch cabin, dịch đuôi, dịch tháp tùng... Học phần cũng cung cấp cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch theo chủ đề: kinh tế - thương mại, chính trị xã hội, văn hóa, ngoại giao, giáo dục, y tế ... Tài liệu sử dụng cho học phần này là các tin tức thời sự về những tình hình

đang xảy ra ở thời điểm hiện tại nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho sinh viên.

10.45. Ngữ pháp 2 / Văn hóa Anh - Mỹ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Ngữ pháp 2 thuộc khối kiến thức ngành nằm trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung ngữ pháp Tiếng Anh chuyên sâu, những khái niệm và cách phân tích cấu trúc từ và cụm giới từ trong Tiếng Anh, từ nối, từ cảm thán, các kiểu câu đơn, câu ghép, câu phức và phân tích câu, các kiểu câu và phép chấm câu trong tiếng Anh. Sau khi kết thúc học phần Ngữ pháp 2 sinh viên có kiến thức đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần kiến thức chuyên ngành.

* Học phần Văn hóa Anh – Mỹ thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và những nét văn hoá đặc trưng của Anh quốc và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Môn học gồm các phần về đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị văn hoá truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội... làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh - Mỹ một cách hệ thống và có hiệu quả và nắm vững kiến thức tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn.

10.46. Phiên dịch nâng cao/ Biên dịch nâng cao

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Phiên dịch nâng cao: Học phần giúp sinh viên thực hành kỹ năng dịch và tìm hiểu các kiến thức chuyên ngành cơ bản và thiết yếu liên quan đến lĩnh vực thương mại, các thành phần kinh tế trong xã hội, cơ cấu quản lý, sự đa dạng văn hóa trong môi trường doanh nghiệp, tuyển dụng, nhân sự đến các hoạt động tiếp thị quảng bá, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ,...

* Biên dịch nâng cao: Học phần Biên dịch nâng cao thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn. Học phần giúp nâng cao kỹ năng biên dịch của sinh viên về các vấn đề liên quan tới kinh tế, thương mại trong các tình huống liên quan đến công việc. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng nâng cao về các lĩnh vực như: quản trị kinh doanh, marketing, đầu tư, thương mại, tài chính nhằm giúp sinh viên tiến gần tới thực tế nghề nghiệp. Các tài liệu được sử dụng gồm các báo cáo khoa học, trích đoạn sách/giáo trình chuyên ngành, các bài viết học thuật, hợp đồng và báo cáo trong doanh nghiệp có độ dài 700-1000 từ.

10.47. Thương mại điện tử/ Giao dịch và Đàm phán kinh doanh

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Thương mại điện tử: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về lịch sử ra đời và xu hướng phát triển, lợi ích cũng như hạn chế của thương mại điện tử; các mô hình kinh doanh phổ biến và những ứng dụng của thương mại điện tử; Marketing điện tử, thanh toán điện tử và các vấn đề về rủi ro thường gặp cũng như đạo đức trong thương mại điện tử.

* Giao dịch và Đàm phán kinh doanh: Học phần Giao dịch và đàm phán kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức về giao tiếp, văn hóa của con người trong lĩnh vực

kinh tế; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và trong giao dịch và đàm phán kinh doanh nói riêng.

10.48. Kinh doanh quốc tế

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần kinh doanh quốc tế đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi tham gia kinh doanh quốc tế. Nội dung cơ bản của học phần là giới thiệu về các hình thức kinh doanh quốc tế, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế, các hình thức và các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp như tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ kinh doanh hối đoái... Qua đó giúp sinh viên có những kiến thức và hiểu biết thực tế về doanh nghiệp tham gia kinh doanh quốc tế. Đồng thời sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng cần thiết để sau khi ra trường có thể tham gia vào hoạt động kinh doanh quốc tế một cách chủ động và tích cực trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng trên toàn thế giới.

10.49. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản của marketing, vai trò của marketing trong một tổ chức; những nội dung cần tìm hiểu về thị trường, công ty và chiến lược marketing, môi trường marketing, chiến lược marketing định hướng khách hàng, hành vi người tiêu dùng, sản phẩm, giá cả và thương hiệu... Học phần cung cấp các khái niệm một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản trong ngành marketing để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành về marketing bằng tiếng Anh phục vụ chuyên môn.

10.50. Quản trị doanh nghiệp thương mại/ Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Quản trị doanh nghiệp thương mại: Học phần Quản trị doanh nghiệp thương mại cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại trong nền kinh tế thị trường và trong đặc thù nền kinh tế Việt Nam. Học phần đi sâu vào nghiên cứu đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp thương mại, môi trường kinh doanh và kỹ thuật phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản trong một doanh nghiệp thương mại như: Những vấn đề cơ bản về thương mại và kinh doanh thương mại; Quản trị tạo nguồn, mua hàng của doanh nghiệp thương mại; Quản trị dự trữ hàng hóa của doanh nghiệp thương mại; Quản trị bán hàng và dịch vụ khách hàng ở doanh nghiệp thương mại; Xúc tiến thương mại trong hoạt động kinh doanh thương mại.

* Quản trị kinh doanh: Học phần Quản trị kinh doanh là môn khoa học về quản trị kinh doanh. Học phần quản trị kinh doanh kế thừa, phát triển các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có tính đến các điều kiện thực tiễn của Việt Nam nhằm cùng với các môn học bổ trợ khác trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

10.51. Quản trị nhân lực / Thống kê kinh tế

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

* Quản trị nhân lực: Quản trị nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: các khái niệm liên quan đến Quản trị nhân lực, vai trò, chức năng quản trị nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nhân lực; lập kế hoạch nhân lực; phân tích công việc và thiết kế công việc; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên, trả công lao động, các quan hệ lao động.

* Thống kê kinh tế: Khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập; các phương pháp phân tích thống kê: hồi quy tương quan, dãy số thời gian, chỉ số làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai; các kiến thức về hệ thống tài khoản quốc gia; hệ thống các chỉ tiêu thống kê về kinh tế - xã hội, nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

10.52. Thực tập tốt nghiệp

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành là học phần sinh viên được tập sự, tiếp cận thực tế. Trong quá trình thực tập viên tiếp thu kiến thức và hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động của đơn vị, thực hiện công việc theo phân công của đơn vị để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo.

10.53. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 6 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Anh được viết bằng tiếng Anh.

10.53.1. Tiếng Anh nâng cao (Advanced English)

Học phần Tiếng Anh nâng cao là học phần thay thế trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần gồm 6 bài học với các chủ đề kinh tế thương mại khác nhau như: cách tạo ấn tượng trong bài thuyết trình, đào tạo đội ngũ nhân viên tập sự, ý thức của doanh nghiệp về nguồn năng sạch, tiếp thị, xu hướng việc làm, và đạo đức trong kinh doanh.

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ nâng cao; Đồng thời, sinh viên có cơ hội để nâng cao tư duy phản biện. Trong quá trình học, sinh viên cũng tham gia thảo luận với giảng viên và các sinh viên khác trong lớp, làm việc nhóm, thuyết trình về các chủ đề của bài đọc.

Học phần tương đương với trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu

10.53.2. Giao dịch thương mại quốc tế (International business transaction)

Học phần Giao dịch thương mại quốc tế là học phần thay thế trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu đến sinh viên các kiến thức chủ yếu đối với giao dịch buôn bán hàng hóa quốc tế. Giúp sinh viên tìm hiểu sâu về các nội dung cơ bản của một hợp đồng thương mại thường được sử dụng, đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương, trình tự thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, thủ tục làm việc và các chứng từ liên quan trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa phù hợp với luật pháp quốc tế và Việt Nam.

Môn học được thiết kế cân bằng giữa mục tiêu cung cấp kiến thức lý thuyết căn bản, các tập quán và kỹ năng trong giao dịch thương mại quốc tế cũng như mục tiêu nghiên cứu ở bậc học cao hơn tại Việt Nam và trên thế giới

2.5. Đề cương chi tiết các học phần (đính kèm quyền đề cương chi tiết)

2.6. Thời điểm chỉnh sửa

- Năm học 2021-2022